

Số: 16/NQ-HĐND

TP. Sóc Trăng, ngày 28 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 23 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng sau điều chỉnh, bổ sung là **983.818.900.000 đồng** với **117 dự án**, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 627.137.000.000 đồng với 88 dự án.
- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 58.085.900.000 đồng với 04 dự án.
- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 298.596.000.000 đồng với 25 dự án, trong đó:

- + Từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 241.520.000.000 đồng với 21 dự án.
- + Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610.000.000 đồng với 01 dự án.
- + Từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.570.000.000 đồng với 01 dự án.
- + Từ nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công: 27.206.000.000 đồng với 01 dự án.
- + Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021: 690.000.000 đồng với 01 dự án.

(Chi tiết theo Phụ lục, Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khoá XII, kỳ họp thứ 23 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Tài chính;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT.TU, TT.HĐND, UBND và UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành thành phố;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT. HĐND và UBND các phường;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kiều Linh

Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TỪ NGUỒN VỐN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Tổng số Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng số	989.818,900	43.460,738	-49.460,738	983.818,900
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	627.137,000	43.460,738	-43.460,738	627.137,000
	Cân đối	183.137,000	15.335,738	-15.335,738	183.137,000
	Sử dụng đất	444.000,000	28.125,000	-28.125,000	444.000,000
2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	64.085,900	0,000	-6.000,000	58.085,900
3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố	298.596,000	0,000	0,000	298.596,000
3.1	Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	690,000	0,000	0,000	690,000
3.2	Từ nguồn Xổ số kiến thiết	241.520,000	0,000	0,000	241.520,000
3.3	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	14.610,000	0,000	0,000	14.610,000
3.4	Nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công	27.206,000	0,000	0,000	27.206,000
3.5	Tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	14.570,000	0,000	0,000	14.570,000

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRỒNG HẠT VONPHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

Kiểm tra và phê duyệt số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng

Đơn vị: Triệu đồng																			
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tăng (+)	Giảm (-)					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
	TỔNG SỐ					602.680,000	602.680,000	-	598.433,455	583.433,322	-	-	627.137,000	43.460,738	-43.460,738	627.137,000			
A	NGUỒN VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					191.052,000	191.052,000	-	188.754,982	183.754,982	-	-	183.137,000	15.335,738	-15.335,738	183.137,000			
I	Chuẩn bị đầu tư												6.825,756			6.825,756			
II	Thực hiện dự án					191.052,000	191.052,000		188.754,982	183.754,982			172.138,073	6.000,000	-15.335,738	162.802,335			
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					14.500,000	14.500,000		14.497,512	14.497,512			13.952,129		-	13.952,129			
I	Xây dựng Trường Tiểu học Lý Đạo Thành thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Cải tạo khối trung tâm văn hóa thể thao phường 5 thành khối hành chính quản trị và phòng chức năng	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.500,000	14.500,000	Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.497,512	14.497,512			13.952,129			13.952,129			
	Lĩnh vực Giao thông					116.675,000	116.675,000	-	116.743,580	111.743,580			106.062,883	0,000	-1.750,000	104.312,883			
I	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ UBND phường 5 đến cây xăng Nam Sông Hậu), phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Tổng chiều dài 1.800 m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7 cm, sơn tìm đường và nâng hồ ga	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.300,000	14.300,000	Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	13.248,772	13.248,772			12.089,012			12.089,012			
2	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C247 đến đường Nguyễn Chí Thanh), phường 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng	P6, P8	2021-2025	Tổng chiều dài 340m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7cm, sơn tìm đường và nâng hồ ga	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	3.200,000	3.200,000	Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.857,105	2.857,105			2.484,728			2.484,728			
3	Cải tạo, nâng cấp Đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Chiều dài tuyến dài khoảng: 755m, Lốp bê tông nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.600,000	7.600,000	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	7.328,784	7.328,784			6.655,017			6.655,017			
4	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, Thoát nước, chiếu sáng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	3.500,000	3.500,000	Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	3.314,307	3.314,307			2.943,925			2.943,925			

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 dự giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chủ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
5	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Đình Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m. Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750.000	11.750.000	11/69/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606.256	11.606.256	11.606.256	9.707.234	9.707.234			9.707.234	
6	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lối lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khô; Mở rộng mặt sân bờ kè rộng thêm 3.0m	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950.000	9.950.000	11/17/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950.000	9.950.000	9.950.000	9.140.763	9.140.763			9.140.763	
7	Cải tạo, nâng cấp Cầu 19/5 phường 5, công Thành niên và cải tạo đường kênh Trương Thọ phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Cải tạo cầu Thành niên, đường Lý Thường Kiệt nối dài; Cải tạo cầu 19/5	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000.000	5.000.000	16/26/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	4.534.773	4.534.773	4.534.773	4.534.000	4.534.000			4.534.000	
8	Đường cấp kênh 30/4 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hồ đến Khu dân cư Minh Châu), phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 750m, bề rộng mặt đường 10,5m ; Mặt đường láng nhựa đá dăm; chiều sáng, thoát nước	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.975.000	14.975.000	12/40/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	14.329.571	14.329.571	14.329.571	13.846.204	13.846.204			13.846.204	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Chùa Đại Giác), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Chiều dài tuyến: 789m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tưới nhựa định bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000.000	5.000.000	16/18/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.983.973	4.983.973	4.983.973	4.983.000	4.983.000			4.983.000	
10	Cải tạo mặt đường Cao Thắng (đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết đoạn dài đua ghe ngo), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 650m. Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	6.900.000	6.900.000	11/70/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	6.900.000	6.900.000	6.900.000	6.555.000	6.555.000			6.555.000	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hoàng Chu (đoạn từ giáp đường Võ Văn Kiệt đến Km0+550m) phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Quy mô tuyến đường Lê Hoàng Chu: chiều dài 550m; Quy mô đường nhánh: chiều dài 80 m; Thảm bê tông nhựa nóng C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	10.000.000	10.000.000	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000			10.000.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Hùng Vương đến Trại Y Tế) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Đoạn từ đường Hùng Vương đến cổng Thành Niên L; Đoạn từ cổng Thành niên đến Trại Y tế phường 6 L; 80m; Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.300.000	7.300.000	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	7.300.000	7.300.000	7.300.000	6.394.000	6.394.000			6.394.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tăng (+)	Giảm (-)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
13	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trương Công Định đến cầu Chữ Y) phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Chiều dài 470m; bề rộng 26m, Bề tổng nhựa C12,5 dày trung bình 3cm	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.800.000	7.800.000	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	6.050.565	6.050.565	6.050.565			7.800.000		-1.750.000	6.050.000		
14	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ hẻm 129 đến đường Lê Duẩn), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1075m; bề rộng nền đường 18m Lốp bề tổng nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	9.400.000	9.400.000	Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	9.339.474	9.339.474	9.339.474			8.930.000			8.930.000		
	Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển Nông thôn					3.600.000	3.600.000		3.600.000	3.600.000	3.600.000	-	-	3.600.000		-	3.600.000		
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn kè và công kênh Nhân Lục đường Lý Thường Kiệt, phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Cổng hợp tại kênh Nhân Lục	Nghị quyết số 1277/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	3.600.000	3.600.000	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	3.600.000	3.600.000	3.600.000			3.600.000			3.600.000		
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					19.120.000	19.120.000		18.225.221	18.225.221	18.225.221	-	-	18.442.061		-13.585.738	4.856.323		
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m2, sân nội bộ, bồn hoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	1.920.000	1.920.000	Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1.866.241	1.866.241	1.866.241			1.684.411			1.684.411		
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo Khối hành chính (01 trệt, 01 lầu), khối phòng giáo viên (01 trệt), hội trường, khu vệ sinh, ...	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.800.000	2.800.000	Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	2.677.980	2.677.980	2.677.980			2.357.650			2.357.650		
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Chính trị Thành ủy Sóc Trăng	TPST	2021-2025	DT khu đất: 3.785,2 m2 - Công - hàng rào: 38 m2 - Sân đường - thoát nước: 904 m2 - Khối Nhà làm việc: 1.088 m2	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.400.000	14.400.000	Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	13.681.000	13.681.000	13.681.000			14.400.000		-13.585.738	814.262		
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					31.157.000	31.157.000		29.688.670	29.688.670	29.688.670	0,000	0,000	30.081.000	0,000	0,000	30.081.000		
1	Cải tạo Kênh 8m thành Công viên phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Công viên: nền lát gạch tu chèn kết hợp với nền đá granite; Bờ trí 03 bãi xe; Nhà vệ sinh công cộng	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.980.000	14.980.000	Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	13.904.151	13.904.151	13.904.151			13.904.000		-	13.904.000		
2	Cải tạo vỉa hè đường Võ Văn Kiệt và trồng trí công chèo (đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 60 đến ngã ba Trà Mến), phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Vỉa hè, HTTN, chiếu sáng, lắp đặt công chèo	Nghị quyết số 22NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.656.000	9.656.000	Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	9.656.000	9.656.000	9.656.000			9.656.000			9.656.000		
3	Xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Phạm Hùng (đoạn từ đường Coluso đến đường Vành Đai I), phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	L:450m, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 24NQ-HĐND ngày 25/10/2024	6.521.000	6.521.000	Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.128.519	6.128.519	6.128.519			6.521.000			6.521.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chú chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					6.000.000	6.000.000		6.000.000	6.000.000						6.000.000		6.000.000	
I	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000.000	6.000.000	Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	6.000.000	6.000.000						6.000.000		6.000.000	
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán														1.000.000			1.000.000	
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội: điều chỉnh tổng mức đầu tư														3.173.171	9.335.738		12.508.909	
B	NGUỒN VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT					411.628.000	411.628.000		409.678.474	399.678.340					444.000.000	28.125.000	-28.125.000	444.000.000	
I	Chuẩn bị đầu tư														13.174.244			13.174.244	
II	Thực hiện dự án					411.628.000	411.628.000		409.678.474	399.678.340					349.227.187	28.125.000	-15.916.727	361.435.460	
	Lĩnh vực Giao thông					203.687.000	203.687.000		202.045.320	197.045.186					169.831.333	-	-837.000	168.994.333	
1	Cải tạo mặt đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Điện Biên Phủ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 208 m, bề rộng mặt đường từ 8,5m đến 9 m,	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.100.000	1.100.000	Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.023.037	1.023.037					878.424			878.424	
2	Cải tạo mặt đường Đảng Văn Viễn (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đầu Hẻm 5), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 187m, bề rộng mặt đường 5,5m đến 6m,	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	610.000	610.000	Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	558.643	558.643					484.710			484.710	
3	Cải tạo mặt đường Kênh Xáng (đoạn từ đường Võ Đình Sâm đến đường Coluso), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 2.110m, bề rộng mặt đường từ 4m đến 6m,	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	5.600.000	5.600.000	Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.166.795	5.166.795					4.916.941			4.916.941	
4	Nâng cấp, sửa chữa cầu C247 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.940.000	14.940.000	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.940.000	14.940.000					14.458.384			14.458.384	
5	Nâng cấp, sửa chữa cầu 10/4 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.950.000	14.950.000	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.950.000	14.950.000					14.460.073			14.460.073	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Chỉ chủ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)	
6	Cải tạo mặt đường Bà Triệu, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 338 m, bề rộng mặt đường từ 4,3m đến 4,7m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	900.000	900.000	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	805.593	805.593	805.593	805.593	701.156			701.156
7	Cải tạo mặt đường Kênh Hồ Nước Ngọt, phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 1.563m, bề rộng nền đường 6m (lồng đường 5m, lề mỗi bên 0,5x2m).	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	6.500.000	6.500.000	Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.270.655			6.270.655
8	Cải tạo mặt đường Trần Văn Hà, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	tổng chiều dài 376m, bề rộng mặt đường từ 5,5m đến 6,5m.	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.200.000	1.200.000	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	985.643	985.643	985.643	985.643	861.557			861.557
9	Cải tạo mặt đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Tổng chiều dài 520 m, bề rộng mặt đường 6,5m.	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.000.000	2.000.000	Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.795.243	1.795.243	1.795.243	1.795.243	1.677.260			1.677.260
10	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa.	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.980.000	14.980.000	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939.340	14.939.340	14.939.340	14.939.340	13.681.000			13.681.000
11	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hồ đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2;	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.500.000	7.500.000	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626.075	6.626.075	6.626.075	6.626.075	5.717.664			5.717.664
12	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1980m	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	8.300.000	8.300.000	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.266.718	8.266.718	8.266.718	8.266.718	7.390.015			7.390.015
13	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kènh 77 và cầu kènh 2/9	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.000.000	7.000.000	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	6.996.738	6.996.738	6.996.738	6.996.738	6.504.123			6.504.123
14	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kết vach tìm đường	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.900.000	14.900.000	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.896.812	14.896.812	14.896.812	14.896.812	14.136.350			14.136.350
15	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngọc Chính (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tà Lách), phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 820m, bề rộng đường 15m; Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990.000	14.990.000	Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.900.000	14.900.000	14.900.000	14.900.000	14.682.480			14.682.480

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)								
16	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Đình Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m. Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750.000		11.750.000	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606.256		11.606.256		891.853				891.853	
17	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lồi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt;	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950.000		9.950.000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950.000		9.950.000		402.188				402.188	
18	Thăm nhựa mặt đường 9B Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Lý Thường Kiệt), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.146m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tuổi nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m ² .	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.750.000		14.750.000	Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	14.713.733		14.713.733	14.713.733		14.713.000			14.713.000	
19	Thăm nhựa mặt đường 9A Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường 9B Khu dân cư 5A), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.123m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tuổi nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m ² .	Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.860.000		14.860.000	Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	10.852.105		10.852.105			10.852.000			10.852.000	
20	Cải tạo, nâng cấp đường cấp kênh 30/4 (từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Vành đai 1), phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	L=1.210m, rộng 7.5m, đá đầm láng nhựa, Thoát nước, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.980.000		14.980.000	Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.974.134		14.974.000	14.974.000		14.974.000			14.974.000	
21	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 30/4), phường 3 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1020m; Tải trọng: Mặt đường Láng nhựa, Sơn vạch kẻ đường; Làn mới hệ thống thoát nước, Làn mới vỉa hè	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990.000		14.990.000	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.988.455		14.988.455			14.240.500			14.240.500	
22	Xây dựng đường D1 (đoạn từ đường Phan Văn Chiêu đến Km0+750m), phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	2021-2025	Đường có chiều dài 755m, láng nhựa đá đầm nước; HTTN dọc 2 bên băng BTCT	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	6.937.000		6.937.000	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.610.000		6.610.000	6.610.000	-837.000	6.100.000			6.100.000	
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn					34.625.000		34.625.000		34.022.457		34.022.457	34.022.457	0.000	19.364.905	0.000		19.364.905	
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cỏ Bắc), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Tường chắn đất dài 23 mét đoạn giáp nối bên phải tuyến với công qua đường Mạc Đĩnh Chi băng BTCT dày 25cm, móng đóng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 15/11/2021	8.800.000		8.800.000	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.800.000		8.800.000	8.800.000		7.764.198			7.764.198	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng 02 bên bờ kè sông Maspéro phường 1, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P1,8	2021-2025	Chiều dài 280m, cải tạo bờ kè, cầu tàu, lồi bờ hành	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.725.000		14.725.000	Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	14.304.101		14.304.101	14.304.101		682.707			682.707	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
6	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950.000	9.950.000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949.999	9.950.000			8.748.254			8.748.254	
7	Cải tạo chống ngập khu vực trước bến xe khách đường Lê Duẩn, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	diện tích khoảng 1.940 m ² ; Thảm bề tổng nhựa nóng C12,5; Xây dựng hệ thống thoát nước bằng công ly tấm D600	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	1.000.000	1.000.000	Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	671,260	671,260			671,000			671.000	
8	Cải tạo, sửa chữa và thay thế bóng đèn Led tuyến đường Trần Hưng Đạo - Hai Bà Trưng - Lê Lợi thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay 275 bóng đèn Led, Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp trụ mới	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.921.000	4.921.000	Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4,914,569	4,914,569			4.914.000			4.914.000	
9	Thay thế bóng đèn Led các tuyến đường cấp hai bờ sông Maspéro - Tuyến đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đầu Voi đến đường 9B) - Tuyến đường Điện Biên Phủ (đoạn từ giáp Cầu Chữ Y đến giáp cầu Maspéro)	TPST	2021-2025	Thay 403 bóng đèn Led; Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp trụ mới	Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.700.000	4.700.000	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.695,754	4.695,754			4.695.000			4.695.000	
10	Cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn (đoạn từ vòng xoay Phú Lợi đến vòng xoay Mạc Đĩnh Chi), phường 3, phường 9 thành phố Sóc Trăng	P3,9	2021-2025	L=2.280m; Lớp vỉa hè tổng M75 dày 3cm; Lớp cấp phối loại 2 dày 10cm	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	6.500.000	6.500.000	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.500.000	6.500.000			6.175.000			6.175.000	
11	Cải tạo, nâng cấp chống ngập tại vòng xoay đường Lê Duẩn - Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Xây dựng trạm bơm điện khu vực cửa xả cống thoát nước đường Lê Duẩn tại kênh Hitech	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.200.000	7.200.000	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	7.200.000	7.200.000			7.055.000			7.055.000	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Dương Kỳ Hiệp đến đường Trần Thủ Độ), phường 2, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P2-10	2021-2025	XD HTTN mặt đường, chiều dài bên tuyến 1.925m, bên phải 1.915 m, năm rãnh BTCT	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.660.000	14.660.000	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	13.956.000	13.956.000			14.660.000			14.660.000	
13	Cải tạo hệ thống thoát nước đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu Khánh Hưng), phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	L=750m, mặt đường B-3m, bảng BTCT; Thoát nước D400 dọc tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	5.397.000	5.397.000	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.997.000	2.997.000			5.397.000		2.407.000	2.990.000	
14	Cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Cầu Chữ Y đến đường Yết Kiêu), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Mở rộng vỉa hè, sân nền chiếu sáng	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	940.000	940.000	Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	904,352	904,352			940.000			940.000	
15	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led các tuyến đường Phạm Hùng và đường Nguyễn Đình Chiểu thành phố Sóc Trăng	P4, 8	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025	1.180.000	1.180.000							1.180.000		1.180.000	
16	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C247 đến Ủy ban nhân dân phường 5) phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025	1.010.000	1.010.000							1.010.000		1.010.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
17	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led tuyến đường Lê Duẩn, Trần Quang Diệu, Xô Viết Nghệ Tĩnh và Trần Văn Sắc thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15/2025	1.029,000	1.029,000							1.029,000		1.029,000	
18	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm 507 đường Lê Hồng Phong và Hẻm 567 đường Trần Hưng Đạo phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	XD hệ thống thoát nước	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15/2025	9.724,248	9.724,248							9.724,248		9.724,248	
19	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm 157 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	XD hệ thống thoát nước	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15/2025	792,752	792,752							792,752		792,752	
20	Cải tạo hệ thống thoát nước các Hẻm trên địa bàn phường 2, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P2,3	2021-2025	Cải tạo hệ thống thoát nước	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15/2025	2.156,000	2.156,000							2.156,000		2.156,000	
21	Cải tạo hệ thống thoát nước các Hẻm trên địa bàn phường 5, phường 6, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P5,6,7	2021-2025	Cải tạo hệ thống thoát nước	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15/2025	6.233,000	6.233,000							6.233,000		6.233,000	
	Lĩnh vực giáo dục					30.895,000	30.895,000		30.894,514	30.894,514			24.631,947	6.000,000	-	30.631,947	
1	Xây dựng cổng hàng rào, sân đường nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Hàng rào, sân đường, nhà xe	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	4.200,000	4.200,000	Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.199,514	4.199,514			3.941,947			3.941,947	
2	Xây dựng tường Tiểu học phường 6 thành phố Sóc Trăng (giai đoạn 2)	P6	2021-2025	Xây dựng khối 15 phòng học, 1 trệt, 2 lầu, tường BITCT, mái tole, nền gạch ceramic	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.965,000	14.965,000			14.960,000			14.960,000	
3	Xây dựng các phòng chức năng Trường Tiểu học phường 5 thành phố Sóc Trăng (điểm Chông Chác)	P5	2021-2025	Xây mới các phòng chức năng	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	5.730,000	5.730,000	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.730,000	5.730,000			5.730,000			5.730,000	
	Quản lý nhà nước					54.354,000	54.354,000	-	53.487,571	53.487,571			51.797,377	-	-12.672,727	39.124,650	
1	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân thôn 3 phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân thôn 3 và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.500,000	1.500,000	Quyết định số 1488 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500,000	1.500,000			1.401,939			1.401,939	
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sửa lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phông, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	851,000	851,000	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	851,000	851,000			772,001			772,001	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chỉ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chủ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Tăng (+)	Giảm (-)		
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư												75.590,569		-12.208,273	63.382,296	
V	Ngân sách thành phố đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Sóc Trăng												8,000			8,000	





Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
GIẢI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 8 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bổ trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ- HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng cộng					115.562,000	63.742,000	0,000	115.561,999	43.842,000		64.085,900	0,000	-6.000,000	58.085,900
I	Lĩnh vực Giao thông					24.950,000	24.950,000		24.950,000	15.000,000		14.931,000			14.931,000
1	Xây dựng đường dân sinh cấp bờ kè sông Maspero phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 650 mét; Xây dựng 01 cầu giao thông...	2021 -2025	Nghị quyết số 161/NQ- HĐND ngày 10/3/2021	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 729/QĐ- UBND ngày 28/5/2021	10.000,000	10.000,000		9.931,000			9.931,000
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	L=658m, Hệ thống thoát nước; Bồn hijoa, bờ vĩa, Cầu tàu	2021- 2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1117/QĐ- UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	5.000,000		5.000,000			
II	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					65.462,000	13.642,000		65.462,000	13.642,000		13.605,900			685,900
1	Cải tạo nâng cấp trụ sở Công an thành phố Sóc Trăng	P1	Hàng rào, bếp ăn và khu tập thể của cán bộ, chiến sĩ	2021- 2025	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	722,000	722,000	Quyết định số 1103/QĐ- UBND ngày 17/8/2021	722,000	722,000		685,900		-	
2	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoạn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m2, thiết bị và các hạng mục	2021- 2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	12.920,000	Quyết định số 2370/QĐ- UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	12.920,000		12.920,000		-	12.920,000
III	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					14.950,000	14.950,000		14.949,999	5.000,000		5.000,000		-	5.000,000
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021- 2025	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1310/QĐ- UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	5.000,000		5.000,000		-	5.000,000
IV	Lĩnh vực Giáo dục					30.549,000	30.549,000					30.549,000		-6.000,000	24.549,000



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)	
1	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Mẫu giáo trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000,000	6.000,000	Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	6.000,000	6.000,000		6.000,000		-6.000	0,000
2	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Tiểu học các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	13.699,000	13.699,000	Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	13.669,000	13.669,000		13.699,000			13.699,000
3	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối THCS trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	10.850,000	10.850,000					10.850,000			



Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN BỔNG QUẢN KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2020 CHƯA SỬ DỤNG CHUYỂN SANG NĂM 2021
TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ- HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021			Tăng (+)	Giảm (-)			
	Tổng cộng (01 dự án)					690,000	690,000	690,000		690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	
I	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (01 dự án)					690,000	690,000	690,000		690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	
1	Cải tạo 04 phòng học Trường Mẫu giáo Ỗ Xuân (điểm lẻ), thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo 04 phòng học, nhà vệ sinh và sân đường thoát nước	2021- 2025	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	690,000	690,000	690,000	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	

ĐVT: Triệu đồng



Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, TRUNG HẠN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN XỐ SỔ KIẾN THIẾT GIẢI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 4 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					196.725,000	196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000		241.520,000			241.520,000	
	Lĩnh vực Giáo dục					196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000			241.520,000			241.520,000	
1	Xây dựng trường mẫu giáo Ên Xuân - thành phố Sóc Trăng	TPST	Xây dựng Khối Hiệu bộ, khối 09 phòng học, nhà đa năng và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.900,000	14.900,000	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.900,000	14.900,000		14.540,000		-	14.540,000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học phường 1 - thành phố Sóc Trăng	P1	Khối HC quán tri, 10 phòng học, phòng chức năng	2021-2025	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.975,000	14.975,000		14.425,000		-	14.425,000	
3	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Khối hành chính quán tri và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.835,000	14.835,000		14.745,000		-	14.745,000	
4	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	XD khối 20 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	14.500,000	14.500,000	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500,000	14.500,000		14.485,000		-	14.485,000	
5	Xây dựng khối hành chính quán tri trường THCS Lê Quý Đôn - thành phố Sóc Trăng	P4	XD khối hành chính quán tri	2021-2025	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	5.255,000	5.255,000	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	5.255,000	5.255,000		5.180,000		-	5.180,000	
6	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng. Hạng mục: 6 phòng học	P2	XD khối phòng, khối HC quán tri	2021-2025	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 7/9/2021	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	14.975,000	14.975,000		14.975,000		-	14.975,000	
7	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khối phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	9.700,000	9.700,000	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	9.700,000	9.700,000		9.580,000		0,000	9.580,000	

ĐVT: Triệu đồng



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
8	Trường Mẫu giáo 1/6	P6	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	13.000,000	13.000,000	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	13.000,000	13.000,000		13.000,000	-		13.000,000	
9	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	10.940,000	10.940,000	Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	10.940,000	10.940,000		10.940,000	-		10.940,000	
10	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Lâm Thành Hưng, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P2	XD khối phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.950,000	14.950,000					14.950,000	-		14.950,000	
11	Xây dựng 15 phòng học trường tiểu học phường 10 - thành phố Sóc Trăng	P10	XD khối 15 phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	11.015,000	11.015,000					11.000,000			11.000,000	
12	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	XD khối 8 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	8.500,000	8.500,000					8.500,000	-		8.500,000	
13	Cải tạo, nâng cấp trường TH Mạc Đĩnh Chi, trường TH Hùng Vương và trường TH Bạch Đằng thành phố Sóc Trăng	TPST	Cải tạo 3 điểm trường	2021-2025	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	13.800,000	13.800,000					13.800,000			13.800,000	
14	Cải tạo trường THCS Tôn Đức Thắng thành phố Sóc Trăng	P5	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	10.300,000	10.300,000					10.300,000			10.300,000	
15	Xây dựng trường THCS phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	15 phòng	2021-2025	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000					14.900,000			14.900,000	
16	Xây dựng trường Tiểu học Kim Đồng, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	(Hạng mục: 05 phòng học, 05 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác)	2021-2025	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	10.000,000	10.000,000					10.000,000			10.000,000	

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chị chủ
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tính hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
17	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 3, lớp 7	2021-2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	9.580,000	9.580,000	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	8.757,000	8.757,000		8.000,000			8.000,000	
18	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 4, lớp 8	2025	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	39/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	9.491,000	9.491,000		9.600,000			9.600,000	
19	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 5, lớp 9	2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	34/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	8.907,000	8.907,000		9.600,000			9.600,000	
20	Tram y tế phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Khối nhà chính 1 trệt 1 lầu, nhà kho - bếp, nhà để xe,...	2025	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	5.000,000	5.000,000	44/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	4.546,000	4.546,000		5.000,000			5.000,000	
21	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư cho ngân sách địa phương	P4	San lấp mặt bằng, đường giao thông dài 414m, đường N7, N8, D8, đường vào khu triển lãm và hội chợ	2025	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	14.000,000	14.000,000	20/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	14.000,000	14.000,000		14.000,000			14.000,000	



Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN BÌNH HỒ TRỢ TỪ NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAO ĐOAN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					14.950,000	14.950,000		14.950,000	14.950,000		14.610,000	-	-	14.610,000	
	Lĩnh vực Giao thông															
I	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo hướng đến Trà Tím thành phố Sóc Trăng	TPST	I=1505M, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.950,000	14.950,000		14.610,000	-	-	14.610,000	



Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TÍNH HỒ TRỢ TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ, ĐẤT CÔNG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	
	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	
1	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m2, thiết bị và các hạng mục	2021-2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	27.206,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	

ĐVT: Triệu đồng

Phụ lục VII

BỘ SƯNG KẾ HỒ SƠ CHỈ ĐẠO TƯ TRƯNG BÀN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

Được thực hiện theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình (01 dự án)	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ- HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng (01 dự án)					14.600.000	14.600.000		14.576.608	14.576.608		14.570.000	-	-	14.570.000	
I	Lĩnh vực Giao thông (01 dự án)					14.600.000	14.600.000		14.576.608	14.576.608		14.570.000	-	-	14.570.000	
I	Cải tạo, nâng cấp đường 30/4 (đoạn Lê Duẩn đến thị trấn Mỹ Xuyến) thành phố Sóc Trăng	TPST	I=2250m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 6cm	2021- 2022	Nghị quyết số 78/NQ- HĐND ngày 25/10/2021	14.600.000	14.600.000	Quyết định số 1394/QĐ- UBND ngày 29/10/2021	14.576.608	14.576.608		14.570.000	-	-	14.570.000	